

VIỆT NAM

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

MWG và FPT đã phát tín hiệu nghi ngại

Phiên tăng điểm lên mức giá cao nhất lịch sử của chứng khoán Mỹ đã có tác động lên tâm lý giới đầu tư Việt Nam. VN INDEX, +1,32% tăng điểm ngay từ khi mở cửa và đóng cửa cao nhất phiên nhờ cổ phiếu ngân hàng đồng loạt tăng giá.

Giới đầu tư ở Việt nam lạc quan trong khi sự thận trọng thể hiện ở một số thị trường như Hong Kong, Trung Quốc. Căng thẳng thương mại vẫn phủ bóng khi các bước đàm phán chưa thực sự bắt đầu. Mỹ mới đây cũng hé lộ kế hoạch tăng thuế với các đối tác thương mại khác như Châu Âu và Úc. Các bước đi của Tổng thống Mỹ cho thấy họ đang thực hiện một chiến dịch toàn cầu và điều đó đe dọa triển vọng tăng trưởng.

Ngày hôm qua, Tổng thống Donald Trump cũng nhấn mạnh lập trường "tham gia cuộc chơi thao túng tiền tệ" hàm ý rằng Mỹ nên tiếp tục nới lỏng tiền tệ, hạ giá đồng Đô-la để tăng sức cạnh tranh cho hàng hóa xuất khẩu, giống như cách Châu Âu và Trung Quốc đang làm. Thị trường ngay lập tức phản ứng, vàng, trái phiếu chính phủ, cổ phiếu phòng thủ tăng giá còn Đô-la giảm giá. Các bước đi mới đây của ông Trump cũng cho thấy ông có kế hoạch rõ ràng để thực hiện ý định này.

Nếu điều đó thành hiện thực, tiền sẽ tiếp tục được bơm ra thị trường và giá hàng hóa sẽ tiếp tục tăng.

Thị trường trong nước đang có câu chuyện riêng liên quan đến các cổ phiếu lớn trong lĩnh vực ngân hàng. Vietcombank VCB, +4,2%, Techcombank TCB, +2,9% dẫn dắt đợt tăng cùng các cổ phiếu lớn như Vinhomes VHM, +3,7%. Trong khi đó, MWI Corp. MWG, -0,1% và FPT Corp. FPT, +0,3% là các cổ phiếu năng động nhất đợt tăng giá đã bắt đầu chậm lại một cách chủ động.

VN INDEX tăng mạnh thuyết phục dòng tiền đầu cơ ngắn hạn rằng thị trường đang lạc quan. Tuy vậy, bức tranh lớn của chỉ số vẫn là đi ngang xét trong một năm trở lại đây. Chúng tôi nghĩ sẽ có những áp lực bán khiến giới đầu cơ nhìn nhận mọi thứ thận trọng hơn khi giá lên cao. Rất có thể đó là vùng 980 của VN INDEX.

KẾT QUẢ GIAO DỊCH

	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	973.0	104.3	55.6
% Thay đổi	1.32	0.64	0.48
Khối lượng (Triệu CP)	108.6	16.5	8.7
Giá trị (Tỷ VNĐ)	4,385.2	322.9	317.8
Số mã tăng	191	72	109
Số mã giảm	112	60	65
Không thay đổi	58	54	63
Nhà đầu tư nước ngoài mua (Tỷ VNĐ)			559.44
Nhà đầu tư nước ngoài bán (Tỷ VNĐ)			413.27

CÁC CỔ PHIẾU TÁC ĐỘNG MẠNH LÊN CHỈ SỐ

TOP kéo VN Index tăng

Mã GD	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)	Khối lượng giao dịch	Đóng góp vào VN Index
VCB	72500	4.17	1.13MLN	3.189
VHM	85000	3.66	2.08MLN	2.979
VIC	116500	0.95	265260	1.091
BID	32800	2.18	1.15MLN	0.71
TCB	21400	2.88	3.90MLN	0.622

TOP kéo VN Index giảm

Mã GD	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Khối lượng giao dịch	Đóng góp vào VN Index
FRT	58300	-2.83	43750	-0.035
CII	21900	-1.79	534680	-0.034
DTL	25850	-5.48	120	-0.027
SCS	158200	-1.13	4800	-0.027
CTF	21000	-6.67	85470	-0.018

Nguồn: Bloomberg

*MLN tương đương đơn vị triệu cổ phiếu

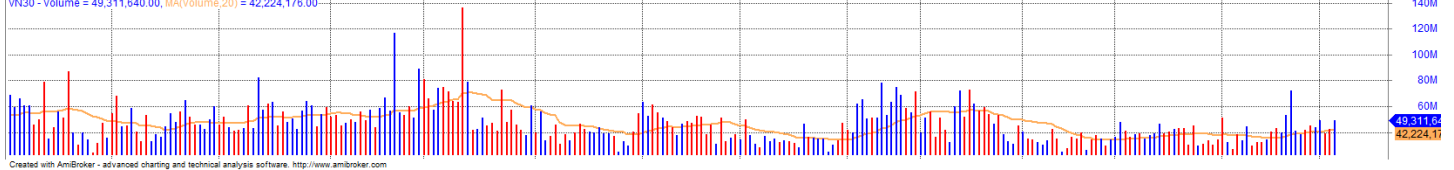
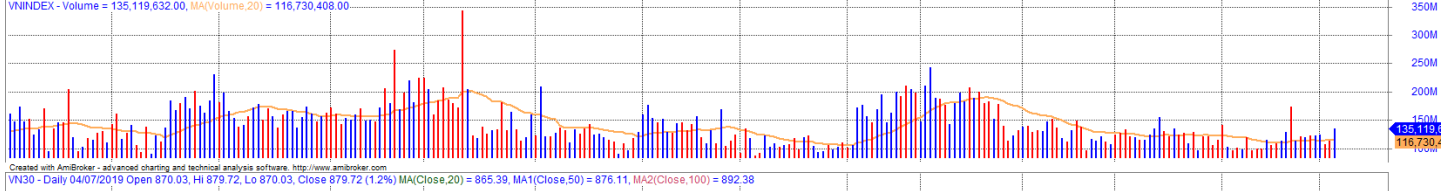
TIN TỨC

- Thị trường xuất khẩu sản phẩm Nhựa của Việt Nam** – Việt Nam xuất khẩu chính các sản phẩm nhựa sang các thị trường Nhật Bản, EU, Hoa Kỳ, ASEAN, Hàn Quốc, Trung Quốc. Trong đó xuất khẩu sang Nhật Bản đạt kim ngạch cao nhất với 671,76 triệu USD. Vị trí thứ hai là xuất khẩu sang EU với kim ngạch đạt được 602,05 triệu USD. Trong khối EU, các thị trường Hà Lan, Đức, Anh, Pháp đạt được kim ngạch cao nhất. Lạm phát năm nay dự kiến 3.17% - 3.41%, có thể tăng giá dịch vụ công – Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ, Trưởng Ban chỉ đạo điều hành giá của Chính phủ, đồng tình với dự báo kịch bản lạm phát cả năm ở mức 3.17-3.41%. Phó Thủ tướng cho biết thêm, trong điều kiện lạm phát thấp sẽ thuận lợi hơn để điều chỉnh một số dịch vụ công nhưng phải cân nhắc thời điểm, tránh cùng điều chỉnh trong một thời điểm làm gia tăng lạm phát.
- HPG – Sản lượng tiêu thụ thép tăng 23% trong 6 tháng** – Nửa đầu năm 2019, tổng sản lượng thép Hòa Phát bán ra đạt hơn 1,34 triệu tấn, tăng 23% so với cùng kỳ 2018. Sản lượng thép xây dựng xuất khẩu tăng 35% so với cùng kỳ. Với kết quả này, thép Hòa Phát duy trì thị phần dẫn đầu với 25%. Riêng tháng 6, thép Hòa Phát đã tiêu thụ được 185,900 tấn, tăng 21% so với cùng kỳ 2018. Theo thông tin từ Hòa Phát, 6 tháng cuối năm sản lượng thép xây dựng sẽ gia tăng nhờ việc các dự án tại Dung Quất, Quảng Ngãi sẽ đưa dây chuyền giai đoạn 1 vào hoạt động.
- PNJ – Tạm ứng cổ tức bằng tiền tỷ lệ 8%** - Công ty cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận tạm ứng cổ tức đợt 1/2019 bằng tiền mặt, tỷ lệ 8%. Số tiền dự chi của công ty khoảng 133,6 tỷ đồng. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 23/07, ngày đăng ký cuối cùng 24/07 và ngày thanh toán dự kiến 08/08/2019.
- GMD – Vietnam Investment Fund đăng ký bán hơn 32 triệu cổ phần Gemadept** – VI Fund I vừa đăng ký thoái toàn bộ 2,45 triệu cổ phiếu khoảng 0.83% vốn CTCP Gemadept. Cùng thời gian đó, quỹ VI Fund II cũng đăng ký bán 29,69 triệu cổ phiếu để thoái vốn. Hiện VI Fund II đang sở hữu 87,7 triệu cổ phiếu tương đương tỷ lệ 29.55% vốn GMD. Hai quỹ VI Fund I và VI Fund II đều thuộc nhóm VI Group với tổng tài sản khoảng 400 triệu USD.

SỰ KIỆN SẮP TỚI

- 12/07/2019 HOSE công bố danh mục VN30

ĐỒ THỊ CÁC CHỈ SỐ



QUỐC TẾ

DIỄN BIẾN

- Phố Wall lập đỉnh mới, kỳ vọng lớn vào Fed hạ lãi suất** – Theo những dữ liệu kinh tế Mỹ vừa công bố, thâm hụt thương mại của Mỹ đã nhảy vọt lên mức cao nhất trong 5 tháng, dữ liệu ngành dịch vụ cho thấy sự chậm lại trong hoạt động. Các số liệu về đầu tư kinh doanh và chi tiêu, tiêu dùng không khả quan là dấu hiệu cho thấy tăng trưởng kinh tế chậm lại trong quý II. Từ những dữ liệu kinh tế trên, giới đầu tư ở Phố Wall đang đặt kỳ vọng vào khả năng Fed sẽ giảm lãi suất trong tháng 7 này, điều đó đã kéo cả 3 chỉ số chính của phố Wall lên mức cao kỷ lục trong phiên thứ tư (03/07). Tương tự, chứng khoán Châu Âu cũng duy trì đà tăng mạnh khi giới đầu tư đặt kỳ vọng vào ứng cử viên cho chức Chủ tịch Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) Christine Lagarde. Trong thị trường chứng khoán Châu Á, phiên giao dịch thứ 5 (04/07) rơi vào trạng thái trái chiều. Dưới áp lực chốt lời cũng như nghi ngờ về khả năng Mỹ-Trung đạt được thỏa thuận lâu dài. Kết thúc phiên 04/07 chỉ số Shanghai Composite tại Thượng Hải giảm 0.33%, chỉ số Hang Seng tại Hong Kong giảm 0.16%. Ngược lại, chỉ số Nikkei 225 tại Nhật Bản tăng nhẹ 0.30%.

Thị trường	Giá cuối cùng	% Thay đổi so với phiên trước
Australia	6,718.02	0.49
Japan	21,702.45	0.30
Korea	2,108.73	0.61
China	3,873.10	-0.52
Taiwan	10,775.90	0.30
Hongkong	28,795.77	-0.21
Vietnam	973.04	1.32
Indonesia	6,375.97	0.21
Malaysia	1,687.48	-0.15
Thailand	1,144.08	-0.93
Philippine	8,064.92	-0.34
Singapore	3,372.25	0.13

TIN TỨC

SỰ KIỆN SẮP TỚI

- 25/07/2019 Họp chính sách tiền tệ của Ngân hàng Trung ương châu Âu
- 30/07/2019 Họp Ủy ban Thị trường Mở Liên bang Mỹ (FOMO)
- 30/07/2019 Họp chính sách tiền tệ của Ngân hàng Trung ương Nhật

CÁC THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Market	Index	Last Price	Time	1D %	YTD %	P/E	P/B	Earning Yield %	Risk-free Rate %
STOCKS									
Australia	S&P/ASX 200	6,718.0	1:51:21 PM	0.49	18.98	18.0	2.1	5.5	1.3
Japan	Nikkei 225	21,702.5	1:15:02 PM	0.30	8.43	16.1	1.5	6.2	(0.2)
Korea	KOSPI 200	2,108.7	4:01:20 PM	0.61	3.32	12.0	0.9	8.4	1.5
China	CSI 300	3,873.1	2:00:21 PM	-0.52	28.65	14.4	1.7	6.9	3.2
Hongkong	Hang Seng	28,795.8	3:09:02 PM	-0.21	11.41	11.3	1.2	8.9	1.5
Taiwan	TAIEX	10,775.9	12:49:00 PM	0.30	10.78	16.2	1.7	6.2	0.7
Vietnam	VN	973.0	3:02:00 PM	1.32	9.02	16.9	2.6	5.9	4.6
Indonesia	JCI	6,376.0	4:15:00 PM	0.21	2.93	19.8	2.3	5.0	7.3
Malaysia	KLCI	1,687.5	4:05:00 PM	-0.15	-0.18	21.4	1.7	4.7	3.6
Thailand	Set 50	1,144.1	5:07:00 PM	-0.93	9.49	18.2	2.0	5.5	2.0
Philippine	PSEi	8,064.9	2:20:00 PM	-0.34	8.02	19.5	2.0	5.1	5.7
Singapore	Straits Times	3,372.3	4:20:00 PM	0.13	9.89	13.7	1.1	7.3	1.9
India	Nifty 50	11,946.8	5:59:46 PM	0.25	9.98	25.9	2.7	3.9	7.0
Pakistan	KSE100	34,570.6	5:59:41 PM	-0.93	-6.73	8.4	1.0	11.9	
Bangladesh	DSE Broad	5,380.8	3:30:00 PM	0.16	-0.09				8.4
Israel	MSCI Israel	194.3	7/3/2019	0.83	7.97		1.4		2.0
South Africa	FTSE/JSE Top 40	51,610.2	5:59:46 PM	-0.67	10.45	15.3	1.4	6.5	8.7
Turkey	BIST 30	124,377.8	5:59:46 PM	-0.30	8.78	6.5	0.9	15.3	15.5
Saudi Arabia	TASI	8,864.3	5:59:43 PM	0.12	13.26	19.7	2.0	5.1	4.1
Italy	FTSE/MIB	22,013.4	5:59:45 PM	0.49	20.13	12.7	1.1	7.9	1.6
France	CAC 40	5,617.6	5:59:45 PM	-0.02	18.75	18.9	1.6	5.3	(0.1)
German	DAX 30	12,621.3	5:59:46 PM	0.04	19.53	16.6	1.5	6.0	(0.41)
UK	FTSE 100	7,613.5	5:59:45 PM	0.05	13.16	18.0	1.7	5.6	0.7
Swiss	SMI	10,060.1	5:59:46 PM	-0.06	19.35	20.5	2.4	4.9	(0.6)
Argentina	Merval	41,304.3	7/3/2019	-1.17	36.35	12.6	1.7	8.0	11.5
Brazil	Ibovespa	102,043.1	7/3/2019	1.43	16.11	18.5	2.0	5.4	7.3
Canada	S&P/TSE	16,576.2	7/3/2019	0.64	15.73	17.8	1.7	5.6	1.5
Mexico	Mexican IPC	43,483.2	7/3/2019	0.10	4.43	15.6	1.8	6.4	7.3
US	S&P 500	2,995.8	7/3/2019	0.77	19.51	19.7	3.3	5.1	1.9
US	Dow Jones	26,966.0	7/3/2019	0.67	15.60	17.2	3.8	5.8	1.9
US	NASDAQ	8,170.2	7/3/2019	0.75	23.13	32.4	4.5	3.1	1.9
Emerging Markets	EEM	43.2	7/3/2019	-0.18	10.68				
Developed Markets	EFA	66.7	7/3/2019	0.68	13.44				
Frontier Markets	FM	30.0	7/3/2019	0.40	14.68				

Asset	Index	Last Price	Time	1D %	YTD %
BONDS					
20+ Year Treasury					
Bond	TLT	134.2	7/3/2019	0.71	10.45
7-10 Year Treasury					
Bond	IEF	110.3	7/3/2019	0.19	5.84
CURRENCIES					
Dollar Index		96.7	6:04:46 PM	-0.02	0.60
USD/EUR	Euro	0.9	6:14:40 PM	0.06	-1.61
USD/GBP	Pound Sterling	0.8	6:14:46 PM	0.01	-1.45
USD/JPY	Japanese Yen	107.8	6:14:46 PM	-0.02	-1.76
USD/CNY	Chinese Yuan	6.9	6:14:00 PM	-0.13	-0.09
USD/CHF	Swiss Franc	1.0	6:14:46 PM	-0.12	0.36
USD/ARS	Argentine Peso	42.0	7/3/2019	-0.32	10.40
USD/ZAR	South African Rand	14.0	6:14:46 PM	-0.53	-2.62
USD/TRY	Turkish Lira	5.6	6:14:46 PM	-0.31	5.63
USD/MXN	Mexican Peso	19.0	6:14:46 PM	-0.09	-3.44
USD/INR	India Rupee	68.6	6:14:46 PM	-0.50	-1.77
USD/BRL	Brazil Real	3.8	7/3/2019	-0.51	-1.40
USD/THB	Thai Baht	30.7	6:14:45 PM	0.03	-5.47
USD/PHP	Philippine Piso	51.1	3:59:49 PM	-0.04	-2.80
USD/IDR	Indonesian Rupiah	14,135.0	3:58:11 PM	0.11	-1.80
USD/MYR	Malaysian Ringgit	4.1	4:59:55 PM	-0.10	-0.01
USD/VND		23,248.0	5:09:27 PM	0.03	0.31
EUR/VND		26,233.0	9:58:28 AM	0.00	-1.38
JPY/VND		215.7	6:14:22 PM	0.06	1.83
CNY/VND		3,382.4	6:14:03 PM	0.15	0.24
JPY/EUR		0.8	6:14:41 PM	-0.03	3.30
EUR/CNY		7.8	6:14:46 PM	-0.09	-1.44
Bitcoin		11,638.7	6:14:46 PM	2.29	216.77
COMMODITIES					
CRB Comodity Index					
		405.6	7/3/2019	0.49	-0.87
Copper (USD/lb.)					
		268.2	5:00:00 AM	0.07	1.92
WTI Crude (USD/bbl.)					
		57.2	6:04:46 PM	-0.28	25.92
Brent Crude (USD/bbl.)					
		63.9	6:04:44 PM	0.05	18.68
Natural Gas (USD/MMBtu.)					
		2.3	6:02:30 PM	-0.44	-22.45
Rubber (JPY/kg)					
		229.0	4:51:49 PM	0.17	33.14
Gold (USD/t oz.)					
		1,417.4	6:04:41 PM	-0.25	10.62

Nguồn: Bloomberg 7/4/2019

THỐNG KÊ

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI 22 PHIÊN GẦN NHẤT

Đơn vị: Tỷ VNĐ

	HOSE		HNX		UPCOM		Toàn thị trường		
	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị mua	Giá trị bán	Mua/bán ròng
4/7/2019	473.52	356.51	18.47	6.09	67.45	50.67	559.44	413.27	146.17
3/7/2019	487.79	498.66	9.24	3.88	54.56	48.85	551.59	551.39	0.20
2/7/2019	590.32	626.62	10.93	54.43	37.33	39.55	638.58	720.60	(82.02)
1/7/2019	328.60	436.62	5.04	3.34	33.24	38.08	366.88	478.04	(111.16)
1/7/2019	328.60	436.62	5.04	3.34	33.24	38.08	366.88	478.04	(111.16)
28/6/2019	806.66	631.60	11.71	8.93	89.87	35.61	908.24	676.14	232.10
27/6/2019	468.22	451.61	5.45	3.54	36.53	21.63	510.20	476.78	33.42
26/6/2019	603.33	444.28	12.96	3.70	98.80	43.40	715.09	491.38	223.71
25/6/2019	558.50	616.08	10.26	13.83	40.24	34.55	609.00	664.46	(55.46)
24/6/2019	418.31	511.25	3.77	2.37	185.46	189.25	607.54	702.87	(95.33)
21/6/2019	1,667.90	2,019.10	4.31	4.08	44.06	38.23	1,716.27	2,061.41	(345.14)
20/6/2019	581.21	591.67	4.78	6.98	42.10	24.70	628.09	623.35	4.74
19/6/2019	771.05	738.79	3.21	5.30	39.78	42.31	814.04	786.40	27.64
18/6/2019	705.33	688.85	3.41	5.23	70.20	66.54	778.94	760.62	18.32
17/6/2019	723.70	620.10	4.75	3.29	46.04	34.58	774.49	657.97	116.52
14/6/2019	511.88	574.35	1.61	2.71	23.84	37.42	537.33	614.48	(77.15)
13/6/2019	379.85	458.88	7.43	0.77	44.41	21.44	431.69	481.09	(49.40)
12/6/2019	371.07	399.22	2.77	3.74	38.79	30.84	412.63	433.80	(21.17)
11/6/2019	713.41	450.60	7.36	2.61	44.02	36.76	764.79	489.97	274.82
10/6/2019	586.90	412.30	6.33	2.83	88.15	85.39	681.38	500.52	180.86

Chi tiết giao dịch Nhà đầu tư nước ngoài

HOSE				
Nước ngoài mua nhiều nhất				
CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Giá trị mua (Tỷ VNĐ)	Đóng góp VN Index
PLX	64300	0.47	80.2	0.12
E1VFN30	14590	1.67	65.5	0.00
VCB	72500	4.17	45.0	3.19
PDR	26150	0.00	43.9	0.00
VNM	126200	0.16	40.7	0.10

Nước ngoài bán nhiều nhất				
CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Giá trị bán (Tỷ VNĐ)	Đóng góp Index
VHM	85000	3.66	60.9	2.98
VNM	126200	0.16	39.5	0.10
HPG	22300	0.68	37.6	0.12
MBB	21150	0.71	32.2	0.10
VRE	34750	1.31	26.6	0.31

Nước ngoài mua ròng nhiều nhất				
CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Giá trị mua ròng (Tỷ VNĐ)	Đóng góp Index
PLX	64300	0.47	67.8	0.12
E1VFN30	14590	1.67	53.4	0.00
PDR	26150	0.00	43.9	0.00
VCB	72500	4.17	35.3	3.19
VJC	129500	0.78	8.2	0.16

Nước ngoài bán ròng nhiều nhất				
CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Giá trị bán ròng (Tỷ VNĐ)	Đóng góp Index
HPG	22300	0.68	(28.9)	0.12
VHM	85000	3.66	(27.7)	2.98
VRE	34750	1.31	(19.7)	0.31
HDB	26500	0.76	(15.0)	0.06
VSC	31000	0.32	(7.1)	0.00

HNX				
Nước ngoài mua nhiều nhất				
CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Giá trị mua (Tỷ VNĐ)	Đóng góp HNX Index
PVS	23500	2.17	15.9	0.00
SHB	6800	1.49	1.6	0.00
TNG	21800	-0.91	0.2	0.00
BVS	11400	0.00	0.1	0.00
VCS	65900	-0.15	0.1	0.00

Nước ngoài bán nhiều nhất				
CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Giá trị bán (Tỷ VNĐ)	Đóng góp Index
LAS	6800	1.49	1.8	0.00
INN	35800	2.29	0.9	0.00
PVS	23500	2.17	0.7	0.00
DBC	21800	-3.11	0.7	0.00
NET	28000	0.00	0.6	0.00

Nước ngoài mua ròng nhiều nhất				
CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Giá trị mua ròng (Tỷ VNĐ)	Đóng góp Index
PVS	23500	2.17	15.2	0.00
SHB	6800	1.49	1.6	0.00
BCC	8300	-1.19	0.1	0.00
TIG	3400	0.00	0.1	0.00
TTT	50600	0.00	0.1	0.00

Nước ngoài bán ròng nhiều nhất				
CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi	Giá trị bán ròng (Tỷ VNĐ)	Đóng góp Index
LAS	6800	1.49	(1.8)	0.00
INN	35800	2.29	(0.9)	0.00
NET	28000	0.00	(0.6)	0.00
DBC	21800	-3.11	(0.6)	0.00
CEO	10300	5.50	(0.6)	0.00

Nguồn: Bloomberg, HOSE, HNX

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Tư vấn Đầu tư – Công ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDIRECT. Báo cáo này không trực tiếp hoặc ngụ ý dùng để phân phối, phát hành hay sử dụng cho bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào là công dân hay thường trú hoặc tạm trú tại bất kỳ địa phương, lãnh thổ, quốc gia hoặc đơn vị có chủ quyền nào khác mà việc phân phối, phát hành hay sử dụng đó trái với quy định của pháp luật.

Báo cáo này được cung cấp trên cơ sở được đảm bảo tính bảo mật. Người sử dụng không được phép (i) sao chép hoặc lưu trữ dưới bất kỳ hình thức (ii) truyền tay hoặc phân phối, trực tiếp hoặc gián tiếp, từng phần hay toàn bộ báo cáo, cho bất kỳ ai mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng Khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào sự tư vấn độc lập và phù hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư cá biệt, VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

TRUNG TÂM TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 – Nguyễn Thượng Hiền – Hà Nội

Điện thoại: +84 439724568

Máy lẻ: 12560

Email : trungtamtuvandautu@vndirect.com.vn

Website: <http://vndirect.com.vn>